

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 452/2022/CBTT-CMC

Phú Thọ, ngày 29 tháng 10 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần CMC

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: CVT

- Địa chỉ: Lô B10 – KCN Thụy Vân – Xã Thụy Vân – TP Việt Trì – Tỉnh Phú

Thọ

- Điện thoại liên hệ: 02103 991706

- E-mail: hcncmc@cmctiles.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần CMC công bố thông tin về báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/10/2022 tại đường dẫn <http://www.cmctiles.vn/cac-thong-tin-cong-bo/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Trần Đức Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Số: 454 CV/CMC

V/v giải trình chênh lệch kết quả SXKD
Quý 3/2022 so với cùng kỳ năm ngoái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Căn cứ vào báo cáo tài chính quý 3/2022 của công ty cổ phần CMC, so sánh với quý 3/2021 có sự chênh lệch về lợi nhuận sau thuế vì vậy Công ty cổ phần CMC báo cáo giải trình như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế Q3/2022	Tỷ đồng	9	18,5
2	Lợi nhuận sau thuế Q3/2021	Tỷ đồng	39,2	39,3
3	Biến động so với cùng kỳ năm trước	Tỷ đồng	-30,2	-20,8
4	Biến động so với cùng kỳ năm trước	%	23%	47%

Nguyên nhân do các yếu tố sau:

Đối với báo cáo riêng:

Giá vốn hàng bán tăng do giá NVL đầu vào tăng cao; như giá than, giá ga...

Chi phí tài chính tăng 28 tỷ do chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí bán hàng tăng 15,8 tỷ; chi phí quản lý tăng 6,8 tỷ do công ty đang thiết lập lại hệ thống của hàng tăng cường công tác quảng bá hình ảnh.

Đối với báo cáo hợp nhất:

Doanh thu tài chính tăng 14 tỷ do việc đầu tư tài chính và góp vốn đầu tư.

Vậy công ty cổ phần CMC làm báo cáo này để trình lên Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh để công bố ra thị trường.

Việt Trì, ngày 29 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC



CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Đức Huy

Công ty Cổ phần CMC

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Bảng cân đối kế toán	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Lô B10 – B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Bà Vũ Thị Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Huy Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Hữu Chuyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Bà Phan Thùy Giang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Đức Huy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Đỗ Phúc Viện	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022
Bà Vũ Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2022
Ông Vũ Đức Hồ Viễn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2022
Ông Vũ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2022

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Lô B10 – B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Đức Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 10 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.388.627.533.465	962.452.609.076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	74.427.547.895	85.626.140.208
1. Tiền	111		74.427.547.895	85.626.140.208
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		713.309.781.756	375.662.593.548
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	64.388.904.647	9.313.995.628
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	473.297.032.578	68.430.416.769
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	177.478.517.796	298.654.996.264
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.854.673.265)	(736.815.113)
III. Hàng tồn kho	140	8	569.061.555.726	498.591.600.236
1. Hàng tồn kho	141		575.083.846.928	506.673.995.527
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.022.291.202)	(8.082.395.291)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.828.648.088	2.572.275.084
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	7.062.231.078	1.329.261.105
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.832.693.849	1.010.048.749
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	11.933.723.161	232.965.230
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.645.103.418.748	1.465.189.334.620
I. Tài sản cố định	220		639.583.946.507	686.819.174.641
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	636.366.083.344	686.819.174.641
- Nguyên giá	222		1.726.776.385.013	1.672.214.078.998
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.090.410.301.669)	(985.394.904.357)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		3.217.863.163	-
- Nguyên giá	225		3.254.460.741	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(36.597.578)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	267.411.194.208	62.017.272.727
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		267.411.194.208	62.017.272.727
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	700.000.000.000	700.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		700.000.000.000	700.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		38.108.278.033	16.352.887.252
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	38.108.278.033	16.352.887.252
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)			3.033.730.952.213	2.427.641.943.696

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.240.605.128.566	1.650.188.028.833
I. Nợ ngắn hạn	310		1.030.703.597.340	937.601.567.499
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	294.078.342.378	172.914.753.920
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	4.005.502.247	4.409.368.997
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	5.185.125.790	25.940.470.604
4. Phải trả người lao động	314		27.230.801.043	25.699.130.947
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	20.722.435.576	32.272.125.815
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	62.768.662.266	56.146.385.971
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	616.712.728.040	620.219.331.245
II. Nợ dài hạn	330		1.209.901.531.226	712.586.461.334
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	7.500.000.000	10.500.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.202.401.531.226	702.086.461.334
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		793.125.823.647	777.453.914.863
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	787.668.115.312	771.418.331.531
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.908.870.000	366.908.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.908.870.000	366.908.870.000
1. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.876.824.710	14.876.824.710
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		71.192.140.926	71.192.140.926
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		334.690.279.676	318.440.495.895
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		318.440.495.895	224.240.974.736
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		16.249.783.781	94.199.521.159
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.457.708.335	6.035.583.332
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		5.457.708.335	6.035.583.332
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.033.730.952.213	2.427.641.943.696


Vũ Thị Thùy Linh
Người lập

Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởngTrần Đức Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Lô B10 – B11 Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân
Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
30 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2022	Quý 3/2021	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	615.613.183.495	406.907.925.586	1.482.653.659.437	1.014.158.991.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.413.938.908	17.549.352.219	28.403.852.728	41.550.067.833
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		598.199.244.587	389.358.573.367	1.454.249.806.709	972.608.923.646
4. Giá vốn hàng bán	11	21	507.201.328.463	313.803.976.463	1.217.716.854.590	822.240.324.536
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.997.916.124	75.554.596.904	236.532.952.119	150.368.599.110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.452.310.876	3.292.922.086	17.079.299.049	6.798.987.376
7. Chi phí tài chính	22	23	45.315.466.254	17.230.711.359	131.162.734.754	26.136.764.464
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.534.216.254	15.480.711.359	118.677.318.087	24.386.764.464
8. Chi phí bán hàng	25	24	21.145.075.928	5.264.834.611	56.773.758.186	11.250.841.002
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.895.042.838	12.099.582.295	45.516.752.259	32.573.828.386
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.094.641.980	44.252.390.725	20.159.005.969	87.206.152.634
11. Thu nhập khác	31		7.302.199	5.004.091.025	97.624.930	5.153.389.386
12. Chi phí khác	32		-	240.950.000	160.782.381	2.803.887.185
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	40		7.302.199	4.763.141.025	(63.157.451)	2.349.502.201
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.101.944.179	49.015.531.750	20.095.848.518	89.555.654.835
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	2.081.106.529	9.747.665.117	3.846.064.737	18.024.930.967
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.020.837.650	39.267.866.633	16.249.783.781	71.530.723.868

(Signature)

Vũ Thị Thùy Linh
Người lập

Ngày 29 tháng 10 năm 2022



Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.095.848.518	89.555.654.835
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	104.474.119.893	83.014.658.572
Các khoản dự phòng	03	(942.245.937)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.079.299.049)	(6.798.987.376)
Chi phí lãi vay	06	131.162.734.754	24.386.764.464
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	237.711.158.179	190.158.090.495
Tăng các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	(503.317.937.693)	(10.721.971.763)
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(68.409.851.401)	26.522.013.064
Tăng chi phí trả trước	11	(19.965.698.728)	(38.472.773.157)
Tăng chi phí trả trước	12	(27.488.360.754)	(30.943.019.788)
Tiền lãi vay đã trả	14	(126.875.408.326)	(26.136.767.464)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.190.250.112)	(6.531.576.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(532.536.348.835)	103.873.994.985
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(243.594.080.849)	(125.252.867.658)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(391.067.054.795)	(252.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	533.600.438.590	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(700.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.575.403.556	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(85.485.293.498)	(1.075.380.140.385)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.624.040.334.948	1.622.441.628.231
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.017.217.284.928)	(704.258.422.673)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(71.853.744.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	606.823.050.020	846.329.461.058
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(11.198.592.313)	(125.176.684.342)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	85.626.140.208	154.591.372.374
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	74.427.547.895	29.414.688.032

Vũ Thị Thùy Linh
Người lập

Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng



Trần Đức Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 10 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần CMC (“Công ty”) tiền thân là Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng được cổ phần hóa theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600106523, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 20 tháng 4 năm 2006, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 26 tháng 1 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô B10 - B11, KCN Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ và chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Công ty có khoản đầu tư vào công ty con với thông tin cụ thể như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Lô B10-B11, KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	99,986%	99,986%	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; hoạt động tư vấn đầu tư.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY***Mục đích lập báo cáo tài chính riêng***

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy tính.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	178.503.157	844.590.125
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	74.249.044.738	84.781.550.083
	<u>74.427.547.895</u>	<u>85.626.140.208</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty TNHH Thương mại Tuấn Hồng Phú Thọ	5.880.000.000	-
Công Ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	4.020.000.000	-
Công ty TNHH TLG Thăng Long	3.717.378.503	3.792.378.503
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Giải pháp Cơ điện DNP SKY	3.434.655.868	227.812.200
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vạn Thiên Hải CERAMIC	3.430.998.226	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	43.905.872.050	5.293.804.925
	64.388.904.647	9.313.995.628

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tạm ứng để mua vật tư, nguyên vật liệu và hàng hóa	406.660.385.496	26.513.680.690
Tạm ứng để mua máy móc thiết bị	28.035.375.622	29.234.948.924
Tạm ứng khác	38.601.271.460	12.681.787.155
	473.297.032.578	68.430.416.769

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu các khoản đầu tư	149.188.007.213	291.900.000.000
Phải thu khác	28.290.510.583	6.754.996.264
	177.478.517.796	298.654.996.264

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối kỳ</u> VND		<u>Số đầu kỳ</u> VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	284.569.981.287	(2.233.219.343)	216.617.007.914	(2.233.219.343)
Công cụ, dụng cụ	1.067.532.282	-	1.626.582.869	-
Thành phẩm	286.849.899.936	(3.789.071.859)	288.155.711.430	(5.849.175.948)
Hàng hoá	1.566.340.674	-	274.693.314	-
Hàng gửi bán	1.030.092.749	-	-	-
	575.083.846.928	(6.022.291.202)	506.673.995.527	(8.082.395.291)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	230.040.466	1.329.261.105
Các khoản khác	6.832.190.612	-
	<u>7.062.231.078</u>	<u>1.329.261.105</u>
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.791.567.314	10.664.768.975
Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn	11.213.201.243	4.395.544.955
Chi phí quảng cáo	11.957.906.878	-
Các khoản khác	5.145.602.598	1.292.573.322
	<u>38.108.278.033</u>	<u>16.352.887.252</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	324.051.660.753	1.282.700.191.490	1.768.609.615	63.693.617.140	1.672.214.078.998
Tăng trong kỳ	8.524.118.055	36.766.696.960	45.066.000	9.226.425.000	54.562.306.015
Số dư cuối kỳ	332.575.778.808	1.319.466.888.450	1.813.675.615	72.920.042.140	1.726.776.385.013
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	202.686.076.398	748.185.051.228	1.646.403.800	32.877.372.931	985.394.904.357
Khấu hao trong kỳ	16.966.172.285	82.652.768.461	31.878.405	5.364.578.161	105.015.397.312
Số dư cuối kỳ	219.652.248.683	830.837.819.689	1.678.282.205	38.241.951.092	1.090.410.301.669
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	121.365.584.355	534.515.140.262	122.205.815	30.816.244.209	686.819.174.641
Tại ngày cuối kỳ	112.923.530.125	488.629.068.761	135.393.410	34.678.091.048	636.366.083.344

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, một số tài sản cố định của Công ty được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 18.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án khu đất Bạch Hạc	31.770.000.000	31.770.000.000
Công trình xây dựng dở dang	235.641.194.208	30.247.272.727
	267.411.194.208	62.017.272.727

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	<i>Giá gốc và giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc và giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con	700.000.000.000	-	700.000.000.000	-
	700.000.000.000	-	700.000.000.000	-

Đầu tư vào công ty con là khoản góp vốn đầu tư 99,986% vốn điều lệ trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT với tổng giá trị vốn góp là 700.000.000.000 VND.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí An Dương	47.017.155.839	23.717.690.627
HLT Industry Co, Ltd	24.792.068.710	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinatop	18.506.017.699	45.246.370.847
Công ty Cổ phần IDC	16.670.800.050	-
Hãng king-Strong Material engineering LTD	15.513.055.472	5.711.988.800
Phải trả đối tượng khác	171.579.244.608	98.238.703.646
	294.078.342.378	172.914.753.920

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hòa Bình Minh	1.218.725.130	1.194.087.135
Công ty TNHH Hữu Thảo	562.708.153	-
Khác	2.224.068.964	3.215.281.862
	4.005.502.247	4.409.368.997

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải trả đầu kỳ	Số phải nộp /thu trong kỳ	Số đã thực nộp /thu trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải trả cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.010.048.749	1.329.828.468	136.957.906.243	150.110.379.811	12.832.693.849	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	120.546.465	11.493.980.551	11.373.434.086	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.610.642.136	3.846.064.737	24.190.250.112	-	4.266.456.761
Thuế thu nhập cá nhân	232.965.230	-	2.102.121.212	2.429.445.057	560.289.075	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.995.208.000	2.076.538.971	-	918.669.029
	1.243.013.979	25.940.470.604	146.021.846.657	190.300.594.502	24.766.417.010	5.185.125.790

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	20.722.435.576	28.920.525.815
Các khoản trích trước khác	-	3.351.600.000
	20.722.435.576	32.272.125.815

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.102.935.645	1.163.064.945
Phải trả chi phí phát hành trái phiếu	18.000.000.000	10.500.000.000
Phải trả đại lý tiền chiết khấu đặt cọc	26.583.120.815	21.600.796.736
Phải trả ngắn hạn khác	17.082.605.806	22.882.524.290
	62.768.662.266	56.146.385.971
b. Dài hạn		
Phải trả chi phí phát hành trái phiếu	7.500.000.000	10.500.000.000
	7.500.000.000	10.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngân hàng	483.558.255.262	483.558.255.262	970.660.775.188	983.888.802.410	470.330.228.040	470.330.228.040
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	39.411.075.983	39.411.075.983	48.320.000.000	39.411.075.983	48.320.000.000	48.320.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	97.250.000.000	97.250.000.000	98.062.500.000	97.250.000.000	98.062.500.000	98.062.500.000
	620.219.331.245	620.219.331.245	1.117.043.275.188	1.120.549.878.393	616.712.728.040	616.712.728.040
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay ngân hàng	126.198.961.334	126.198.961.334	190.147.915.743	81.597.504.619	234.749.372.458	234.749.372.458
Thuế tài chính	-	-	2.591.741.605	-	2.591.741.605	2.591.741.605
Trái phiếu dài hạn	575.887.500.000	575.887.500.000	487.235.417.163	98.062.500.000	965.060.417.163	965.060.417.163
	702.086.461.334	702.086.461.334	679.975.074.511	179.660.004.619	1.202.401.531.226	1.202.401.531.226

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	366.908.870.000	14.876.824.710	65.160.919.884	303.653.969.778	750.600.584.372
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	94.199.521.159	94.199.521.159
Chi trả cổ tức	-	-	-	(73.381.774.000)	(73.381.774.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.031.221.042	(6.031.221.042)	-
Số dư cuối năm trước	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	318.440.495.895	771.418.331.531
Số dư đầu kỳ	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	318.440.495.895	771.418.331.531
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	16.249.783.781	16.249.783.781
Số dư cuối kỳ	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	334.690.279.676	787.668.115.312

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	1.469.773.887.488	1.011.463.181.379
Doanh thu bán hàng hóa	12.879.771.949	2.695.810.100
	<u>1.482.653.659.437</u>	<u>1.014.158.991.479</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	26.233.162.035	40.407.127.590
Giảm giá hàng bán	2.128.797.493	810.552.243
Hàng bán bị trả lại	41.893.200	332.388.000
	<u>28.403.852.728</u>	<u>41.550.067.833</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.206.875.454.728	821.788.103.467
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.901.503.951	452.221.069
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.060.104.089)	-
	<u>1.217.716.854.590</u>	<u>822.240.324.536</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	122.199.177	5.823.778.186
Lãi các khoản đầu tư khác	16.957.099.872	975.209.190
	17.079.299.049	6.798.987.376

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi trái phiếu	87.740.398.846	9.621.814.816
Lãi tiền vay	30.936.919.241	14.764.949.648
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	12.485.416.667	1.750.000.000
	131.162.734.754	26.136.764.464

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí khấu hao	1.578.697.272	1.142.187.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.347.521.290	1.192.367.038
Chi phí nhân công	22.925.493.964	6.474.899.155
Chi phí bán hàng khác	5.922.045.660	2.441.387.470
	56.773.758.186	11.250.841.002
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí khấu hao	2.993.731.637	2.264.906.790
Chi phí nhân công	15.514.636.820	12.836.229.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.082.039.966	5.358.199.479
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.926.343.836	12.114.492.560
	45.516.752.259	32.573.828.386

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	846.250.841.019	514.410.403.879
Chi phí nhân công	133.389.780.934	89.838.967.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.474.119.893	83.014.658.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.655.216.724	92.531.408.956
Chi phí khác	16.788.285.407	7.087.622.443
	1.255.558.243.977	786.883.061.082

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.095.848.518	89.555.654.835
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(865.524.831)	569.000.000
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(2.060.104.089)</i>	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.194.579.258</i>	<i>569.000.000</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.230.323.687	90.124.654.835
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.846.064.737	18.024.930.967

Vũ Thị Thùy Linh
Người lập

Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng



Trần Đức Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 10 năm 2022